



XUẤT KHẨU GẠO, MỘT THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA NƯỚC TA

NGUYỄN SINH CÚC *

TỪ một nước thiếu lương thực triền miên, luôn phải chạy ăn những tháng giáp hạt, đến nay Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới. Đó là do sản xuất lương thực trong những năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, làm cho bạn bè gần xa khâm phục. Trong 16 năm xuất khẩu gạo (1989 - 2004), Việt Nam đã cung cấp cho thị trường thế giới hơn 45,14 triệu tấn gạo, thu về cho đất nước trên 10,77 tỉ USD. Đó cũng là một trong những thành tựu nổi bật của kinh tế Việt Nam sau gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Nhìn lại chặng đường 16 năm tham gia thị trường xuất khẩu gạo thế giới, trong điều kiện luôn có sự cạnh tranh thị trường quyết liệt, nhưng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam liên tục có tốc độ tăng trưởng cao, năm sau cao hơn năm trước (xem bảng).

Biểu: Lượng gạo xuất khẩu bình quân năm qua các thời kỳ

Thời kỳ	Gạo xuất khẩu bình quân năm (triệu tấn)
1989 - 1990	1,520
1991 - 1995	1,734
1996 - 2000	3,663
2001 - 2004	3,706

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam qua các năm

Có 13 trong số 16 năm Việt Nam giữ vị trí thứ hai thế giới về lượng gạo xuất khẩu (chỉ có 3 năm đứng thứ ba sau Thái Lan và Ấn Độ) và vượt Mỹ liên tục từ năm 1990 đến nay. Đó là quãng đường đi lên đầy khó khăn, thách thức, nhưng cũng khá thành công trong hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam, được đánh dấu bằng những kỷ lục đáng ghi nhận.

Trong thời kỳ 4 năm đầu thế kỷ XXI (2001 - 2004) hoạt động xuất khẩu gạo Việt Nam không chỉ tăng về lượng mà còn có tiến bộ về chất và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Năm 2004, mặc dù thời tiết không thuận lợi, sản xuất lúa gặp nhiều khó khăn, nhưng Việt Nam vẫn đạt sản lượng 39,3 triệu tấn lương thực và xuất khẩu 4,55 triệu tấn gạo. Nếu so với năm 1989, lượng gạo xuất khẩu năm 2004 tăng gấp 2,86 lần, giá gạo tăng 28 USD/tấn (232 - 204USD) và kim ngạch tăng gấp 3,25 lần (941/289 triệu USD).

Lượng gạo xuất khẩu tăng đều, nhưng kim ngạch thu được lại có sự lên xuống thất thường do yếu tố giá trên thị trường thế giới và chất lượng gạo của Việt Nam. Cụ thể, năm 1989 giá bình quân 204 USD/tấn và thu về cho đất nước 189 triệu USD kim ngạch xuất khẩu gạo. Năm 1990, giá bình quân 186 USD/tấn và kim ngạch 374 triệu USD. Năm 1996 nước ta xuất khẩu 3 triệu tấn với giá cao kỷ lục

*PGS, TS

285 USD/tấn. Năm 1998 là năm thứ 10 xuất khẩu gạo, Việt Nam đã cung cấp cho thị trường thế giới 3,8 triệu tấn gạo, thu về cho đất nước 1,024 tỉ USD với giá bình quân 275 USD/tấn.

So với năm 1989, lượng tăng gấp 2,6 lần, giá gấp 1,35 lần và kim ngạch gấp 3,54 lần. Năm 1999 là năm đạt *mức kỷ lục cả về lượng và kim ngạch*, lượng gạo xuất khẩu đạt mức 4,5 triệu tấn và kim ngạch 1,025 tỉ USD.

Tính chung 11 năm của thời kỳ đầu xuất khẩu gạo (1989 - 1999), Việt Nam đã cung cấp cho thị trường gạo thế giới trên 24,53 triệu tấn, bình quân 2,23 triệu tấn/năm, kim ngạch đạt 6,4 tỉ USD, bình quân 582 triệu USD/năm, giá bình quân đạt 260 USD/tấn.

Từ năm 2000 đến nay, thị trường gạo thế giới xuất hiện xu hướng cung vượt cầu, nên giá giảm mạnh đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam. Trước tình hình đó, Chính phủ đã kịp thời điều chỉnh quy mô và tốc độ xuất khẩu gạo theo hướng ổn định về lượng và tăng dần về chất để tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Năm 2000 xuất khẩu 3,5 triệu tấn, chỉ bằng 77,6% về lượng và kim ngạch chỉ bằng 65,2% so với năm 1999. Xu hướng này tiếp tục trong các năm 2001 và 2002. Năm 2001 gạo xuất khẩu đạt 3,73 triệu tấn, tăng 2% về lượng, nhưng kim ngạch giảm 11,8% so với năm 2000 do giá giảm xuống mức 165 USD/tấn, thấp nhất trong 16 năm qua. Năm 2002, tuy giá có nhích lên 224 USD/tấn, nhưng có nhiều dấu hiệu cho thấy vẫn chưa ổn định nên lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam chỉ đạt 3,24 triệu tấn, bằng 67% năm 2001 và kim ngạch tăng 16%.

Từ năm 2003, Việt Nam bước vào thời kỳ thực hiện lộ trình hội nhập vào CEPT/AFTA, thuế suất nhập khẩu các mặt hàng nông sản của các nước, trong đó có gạo, giảm đồng loạt, hoạt động xuất khẩu gạo gặp nhiều khó khăn và thách thức. Giá gạo xuất khẩu giảm xuống chỉ còn 188 USD/tấn nên dù lượng tăng 17,9%, nhưng kim ngạch chỉ bằng 99,1% so

năm 2002. Năm 2004 với lượng gạo xuất khẩu trên 4 triệu tấn, Việt Nam đã vượt lên trên cả Ấn Độ và Mỹ, khôi phục vị trí thứ hai thế giới, chỉ đứng sau Thái Lan về gạo xuất khẩu.

Đến nay, thế đứng của cường quốc gạo xuất khẩu Việt Nam đã vững vàng hơn thể hiện trên nhiều mặt. Đó là, cả lượng và giá đều tăng nên Nhà nước không phải trợ giá mua lúa tạm trữ xuất khẩu như các năm 2000 - 2002 với mức hàng trăm tỉ đồng/năm. Thị trường ổn định, các hợp đồng thường được ký từ đầu năm (3 triệu tấn) nên các doanh nghiệp chủ động hơn trong thu gom nguồn hàng, chuẩn bị kho bãi, bảo quản, chế biến, vận chuyển... Với cách làm đó, không chỉ Nhà nước và các doanh nghiệp có lợi mà người nông dân trồng lúa cũng có lợi về giá và thủ tục mua bán lúa gạo. Giá lúa trong nước đứng ở mức khá hợp lý cho cả hộ nông dân và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo nên hoạt động thu gom, chế biến và xuất khẩu gạo diễn ra thuận lợi. Số hợp đồng xuất thêm ngoài kế hoạch diễn ra tuy lớn (trên 1 triệu tấn), nhưng nguồn lúa hàng hóa phong phú, giá cả phù hợp, nên đạt kết quả tốt.

Thị trường, giá cả lương thực trong nước vẫn ổn định. Thị phần gạo Việt Nam trên thế giới tăng từ 9,3% (năm 1989) lên 12,8% (năm 1987) và 15,3% (năm 2004). Những năm gần đây, cùng với thị trường truyền thống được giữ vững, thị trường mới được mở thêm, như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a...

Chất lượng lúa gạo tăng lên theo yêu cầu thị trường. Nếu những năm đầu thập kỷ 90, gạo có tỷ lệ tấm cao trên 25% chiếm tỷ lệ từ 80 - 90%, thì hiện nay đã giảm xuống nhiều, chỉ còn chiếm 35 - 40%, gạo chất lượng cao (tỷ lệ tấm thấp 5%) đã tăng từ 10 - 20% trước đây lên 60 - 65% hiện nay. Do lượng tăng và giá cũng tăng nên thu nhập về xuất khẩu gạo Việt Nam cũng tăng nhanh. Triển vọng Việt Nam sẽ đạt 1 tỉ USD kim ngạch xuất khẩu gạo đến năm 2005 là hoàn toàn có cơ sở thực tế.

Kết quả xuất khẩu gạo của nước ta trong 16 năm qua đạt được khả quan trong điều kiện an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm tính bền vững và liên tục, kể cả những năm có thiên tai lớn. Dẫu rằng thiên tai, sâu hại... năm nào cũng xảy ra, nhưng thị trường và giá cả lương thực trong nước vẫn ổn định. So với năm 1995, chỉ số giá lương thực (năm sau so năm trước) như sau: năm 2000 là 94,6%, năm 2001 là 88,7%, năm 2002 là 102,2%, năm 2003 là 107,8% và năm 2004 là 115%. Từ năm 1989 đến nay dù lượng gạo xuất khẩu tăng dần, nhưng tình trạng thiếu đói giáp vạ đã không xảy ra trên diện rộng ở các vùng nông thôn. Năm 2003 số hộ thiếu đói giáp vạ giảm 11,4% so với năm 2002, và năm 2004 giảm 35% so với năm 2003 là thành tựu đáng khích lệ, đã được cả thế giới công nhận.

Nguyên nhân của những thành tựu kể trên là do: Về khách quan, thị trường gạo thế giới tuy có biến động, nhưng kinh tế thế giới hồi phục, nhu cầu của các nước nhập khẩu gạo Việt Nam vẫn tăng. Về chủ quan, trong những năm qua, Nhà nước rất quan tâm đến hoạt động xuất khẩu gạo và đã có nhiều cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích sản xuất, chế biến lương thực và mở rộng thị trường. Sự nỗ lực chủ quan của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong các hoạt động đầu tư, cho nông dân ứng trước vật tư, giống mới đối với trồng lúa hàng hóa xuất khẩu; tổ chức thu gom, chế biến, tìm kiếm mở rộng thị trường, ký kết hợp đồng xuất khẩu...

Hiện nay, khoảng hơn một chục triệu hộ nông dân trồng lúa đã có môi trường kinh doanh thông thoáng hơn để cần cù, sáng tạo, mạnh dạn đầu tư vốn, áp dụng khoa học - công nghệ mới vào thâm canh, tăng vụ, chuyển vụ, đổi mới cơ cấu giống lúa phù hợp với nhu cầu thị trường gạo xuất khẩu. Kết quả là sản lượng, chất lượng lúa gạo Việt Nam đều tăng dần, vừa bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, vừa tạo nguồn cung phong phú cho xuất khẩu gạo. Hệ thống cơ sở chế biến, bảo quản, đánh bóng gạo

xuất khẩu cũng từng bước được đầu tư, nâng cấp và hiện đại hóa đã góp phần nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu.

Thêm vào đó, cục diện chung về thị trường xuất khẩu gạo đang có lợi cho Việt Nam. Theo đánh giá của Tổ chức lương nông của Liên hợp quốc (FAO) khu vực châu Á - Thái Bình Dương, ở châu Á, ngoài cường quốc xuất khẩu gạo Thái Lan, còn 3 nước khác đang có khả năng cạnh tranh với Việt Nam là Ấn Độ, Pa-kít-xtan và Trung Quốc. Nhưng trong 16 năm qua, sản lượng gạo xuất khẩu của 3 nước này đều không ổn định. Ấn Độ vươn lên vị trí thứ hai sau Thái Lan về lượng gạo xuất khẩu trong các năm 1995, 2002, 2003, nhưng các năm khác lại đạt rất thấp, phổ biến dưới 3 triệu tấn, năm 1993 xuất 767 nghìn tấn; năm 1994 xuất 890 nghìn tấn, năm 1997 dưới 2 triệu tấn và năm 2004 dưới 3,5 triệu tấn... Nguyên nhân của tình hình trên là do sản xuất lúa gạo không ổn định. Sản lượng lúa của nước này năm 1995 là 115,4 triệu tấn, nhưng từ năm 1999 đến năm 2004 đều đạt dưới 90 triệu tấn, trong đó năm 2002 chỉ đạt 76,9 triệu tấn. Pa-kít-xtan có mức xuất khẩu cao nhất là 2,4 triệu tấn (năm 2001), các năm khác chỉ đạt trên, dưới một triệu tấn. Trung Quốc, năm cao nhất xuất khẩu 2,1 triệu tấn (năm 2003), các năm khác chỉ đạt 1 - 2 triệu tấn, mặc dầu sản lượng của nước này rất lớn, năm 1998 đạt 199 triệu tấn, nhưng năm 2001 đạt 187,9 triệu tấn và năm 2002 giảm xuống còn 177,5 triệu tấn. Cường quốc xuất khẩu gạo chất lượng cao là Mỹ những năm gần đây đã giảm dần lượng gạo xuất khẩu: năm 2001 xuất 2,4 triệu tấn, năm 2002 là 3,2 triệu tấn và năm 2003 là 3,4 triệu tấn, lị xuống thứ 4 sau Thái Lan, Việt Nam và Ấn Độ.

Khác với các nước trong khu vực, 16 năm qua, thực hiện chính sách đổi mới toàn diện và sâu sắc trong nông nghiệp của Đảng và Nhà nước, sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam phát triển ổn định và tăng trưởng đều đặn với tốc độ tăng bình quân đạt 5%/năm. Từ năm 1999 đến

nay tuy diện tích lúa giảm, nhưng năng suất và sản lượng lúa vẫn tăng đều, năm sau cao hơn năm trước. Năm 2004, diện tích trồng lúa cả nước đạt 7,4 triệu ha (tính cả hai vụ), giảm gần 300 nghìn ha so với năm 1999, nhưng năng suất đạt 48,5 tạ/ha, tăng 5,5 tạ/ha và sản lượng đạt 35,9 triệu tấn, tăng 1,8 triệu tấn.

Thêm vào đó, sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân 3,5%/năm, luôn cao hơn tốc độ tăng dân số (1,7%), nên lương thực có hạt bình quân đầu người tăng dần, năm sau cao hơn năm trước (năm 1990 = 324,4 kg; năm 1995 = 363,1 kg; năm 2000 = 444,8 kg; năm 2002 = 463,6 kg; năm 2003 = 462,9 kg và năm 2004 = 479,1 kg/năm). Đó là xu hướng ít thấy trong lịch sử sản xuất lúa gạo của các nước châu Á và lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam. Trong 10 năm (1995 - 2004) sản lượng lúa gạo thế giới tăng thêm 70 triệu tấn, thì Việt Nam "đóng góp" 10 triệu tấn.

Về chất lượng, cùng với sự tăng tiến về sản lượng là sự tiến bộ về chất lượng và chủng loại lúa gạo. Trong những năm đầu tham gia thị trường gạo thế giới, gạo xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là loại chất lượng trung bình và thấp, tỷ lệ tấm cao nên sức cạnh tranh kém, giá thấp, chỉ thích hợp với thị trường các nước nghèo, thiếu lương thực như châu Phi, Trung Đông. Phương châm xuất khẩu lúc đó là "có gì xuất nấy", do sản xuất chưa gắn với nhu cầu thị trường, chưa có quy hoạch vùng lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu.

Những năm gần đây, sản xuất lúa chất cao phục vụ xuất khẩu Việt Nam đã có nhiều khởi sắc. Diện tích gieo cấy các giống lúa có chất lượng cao đã tăng dần và diện tích lúa các loại gạo chất lượng thấp giảm dần. Nhà nước đã quy hoạch và đầu tư xây dựng các vùng lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, trong đó vùng đồng bằng sông Cửu Long có 1 triệu ha, vùng đồng bằng sông Hồng có 300 nghìn ha. Các giống lúa chất lượng cao, đặc sản phù hợp với thị trường thế giới được chọn lọc, lai tạo và đưa vào sản xuất với quy mô lớn.

Đến nay, trên 95% lượng gạo xuất khẩu sản xuất tại đồng bằng sông Cửu Long. Gạo chất lượng cao được sản xuất ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là lúa có hạt dài, thon, trong, dẻo, như: IR64; OMCS 2000; OMCS 21; VND 95-20; MTL 250; OM 1490; TNĐB... Nhu cầu thị trường quốc tế về loại gạo đặc sản, như: Basmati, Khaodokmali, Jasmali... tuy còn chiếm tỷ lệ thấp, khoảng 6 - 7% gạo hàng hóa thế giới, nhưng giá của chúng lại rất cao, cũng đã được đưa vào sản xuất tại đồng bằng sông Cửu Long. Vùng đồng bằng sông Hồng, gạo chất lượng cao chủ yếu là các giống lúa đặc sản truyền thống như tám thơm, dự hương, nếp cái hoa vàng. Sức cạnh tranh của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới tăng và đã đứng vững trên thị trường khó tính như EU, Bắc Mỹ, Nhật Bản. Giá gạo Việt Nam cũng tăng cùng với xu hướng tăng dần của chất lượng và quan hệ cung cầu của thị trường gạo thế giới. Những năm 1999 - 2004, tuy giá gạo trên thị trường thế giới biến động lớn theo xu hướng giảm do cung lớn hơn cầu, nhưng nhờ chất lượng tăng nên giá gạo Việt Nam vẫn ổn định: năm 1999 = 227 USD/tấn; năm 2002 = 224 USD; năm 2004 = 232 USD.

Để tiếp tục đứng vững trên vị trí một cường quốc về gạo xuất khẩu, theo nghiên cứu của chúng tôi, trong thời gian tới Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất: Khẩn trương hoàn thiện quy hoạch vùng lúa xuất khẩu của cả nước và từng vùng. Các ngành, các cấp cần cụ thể hóa quy hoạch đã được duyệt bằng kế hoạch, đầu tư vốn, khoa học công nghệ để phát triển sản xuất lúa hàng hóa phù hợp với yêu cầu xuất khẩu gạo từng thời kỳ. Nội dung quy hoạch, kế hoạch và đầu tư cho vùng lúa gạo xuất khẩu phải bám sát nhu cầu thị trường gạo thế giới trong từng giai đoạn. Trong chỉ đạo, cần triển khai các giải pháp đồng bộ để biến các quy hoạch thành thực tế, trong đó cần quan tâm giải pháp khuyến khích tích tụ và tập trung đất lúa trong vùng quy hoạch lúa xuất khẩu ở đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và

đồng bằng sông Hồng để từng bước hiện đại hóa quy trình sản xuất lúa nhằm nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu. Về đầu tư, cần ưu tiên cho các công trình thủy lợi ở các vùng lúa xuất khẩu để thực hiện tưới tiêu khoa học.

Thứ hai: Hình thành mạng lưới thu gom, vận chuyển lúa gạo xuất khẩu theo hợp đồng. Xây dựng mới các cơ sở chế biến lúa gạo xuất khẩu tại các vùng sản xuất lúa hàng hóa phục vụ xuất khẩu gạo theo quy hoạch. Tiến tới hình thành mạng lưới thu gom lúa hàng hóa theo mô hình hợp tác xã hoặc tổ hợp tác thu mua lúa thống nhất giữa các địa phương theo phương thức hợp đồng kinh tế và giá cả hợp lý. Giải quyết thỏa đáng quan hệ giữa Nhà nước, nông dân và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong phân phối lợi nhuận theo hướng quan tâm nhiều hơn đối với người trồng lúa. Nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu hiện có đồng thời xây dựng các cơ sở mới cần thiết theo quy hoạch. Đầu tư vốn ngân sách để nâng cấp hệ thống kho tàng, cơ sở phơi sấy, đường sá, bến cảng, nhất là cảng Cần Thơ nhằm phục vụ đắc lực và hiệu quả xuất khẩu gạo.

Thứ ba: Nâng cao sức cạnh tranh của gạo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay còn phải có nhiều giải pháp đồng bộ về thị trường. Một mặt, ổn định các thị trường đã có, mặt khác, cần tích cực mở rộng thị trường mới, nhất là các thị trường lớn, yêu cầu chất lượng gạo cao. Giải pháp thị trường cần triển khai theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, bảo đảm chữ tín với khách hàng, tăng cường tiếp thị, đầu tư nghiên cứu và dự báo thị trường; củng cố và mở rộng hệ thống thông tin thị trường để kịp thời điều hành hoạt động xuất khẩu gạo hợp lý và hiệu quả...

Để bảo đảm tính khả thi của các giải pháp trên đây, cần tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, sự chỉ đạo, phối hợp của các ngành, các cấp, từ trung ương đến địa phương, các doanh nghiệp và cơ sở trong mọi lĩnh vực: quy hoạch, sản xuất, thu gom, phơi sấy, vận chuyển, chế biến và xuất khẩu gạo. □

CÔNG TÁC LÝ LUẬN...

(Tiếp theo trang 49)

Lâu nay công tác lý luận - phê bình thường ở thế bị động, chưa tận dụng hết chức năng của mình là lý luận - phê bình. Sau khi đánh giá, phân tích những vấn đề do sáng tác đặt ra, công tác lý luận - phê bình cần chủ động phát hiện, nêu vấn đề, gợi ý phương hướng sáng tác, tạo nguồn và mở rộng các đề tài trong xã hội, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Điện ảnh nước ta không phải lúc nào cũng hội tụ được nhiều nghệ sĩ tài năng trong một thời điểm. Hiện chúng ta đang có một đội ngũ nghệ sĩ ở độ chín về khả năng sáng tạo có thể sáng tạo những tác phẩm điện ảnh có giá trị. Cần mạnh dạn giao cho một số đạo diễn đã được thử thách mà tài năng của họ đã được bộc lộ qua một số tác phẩm, giúp cho họ phát huy hết năng lực sáng tạo của mình, có thể tự chọn kịch bản yêu thích nhất, tự do bộc lộ những cá tính trong nghệ thuật, thể hiện đến tận cùng những ý tưởng sáng tạo, tránh những rào cản không cần thiết trong quá trình sáng tạo. Đây cũng là quá trình thực tập xã hội hóa cho các nghệ sĩ. Làm như vậy sẽ tránh được sự nhàm chán về khẩu vị, sơ đồ, công thức, chưa xem đã biết, làm vừa lòng người duyệt.

Hội đồng lý luận - phê bình trung ương cần phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin phát động một đợt sáng tác mới trong các hoạt động văn học - nghệ thuật; đồng thời cần mở ra một dòng phim lịch sử cho điện ảnh và truyền hình nước ta. Tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, đã có nhiều kịch bản lịch sử từ các nơi trong cả nước gửi về. Đây là một tài sản rất quý, có khả năng mở ra một dòng phim lịch sử cho điện ảnh và truyền hình (đặc biệt là truyền hình nhiều tập). □